

BỘ TÀI CHÍNH-BỘ
THƯƠNG MẠI-BỘ
CÔNG AN
Số: 12/2007/TTLT/BTC-
BTM-BCA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2007

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn chế độ hoá đơn, chứng từ đối với hàng hoá nhập khẩu lưu thông trên thị trường

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng; Luật thuế tiêu thụ đặc biệt; Luật thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Hải quan; Luật Thương mại;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính số 44/2002/PL-UBTVQH10 ngày 2 tháng 7 năm 2002 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 100/2004/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế;

Căn cứ Nghị định số 138/2004/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan;

Căn cứ Nghị định số 175/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại.

Nhằm khuyến khích và thúc đẩy mở rộng lưu thông hàng hoá theo pháp luật; góp phần đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, liên Bộ Tài chính, Bộ Thương Mại, Bộ Công an hướng dẫn chế độ hoá đơn, chứng từ đối với hàng hoá nhập khẩu lưu thông trên thị trường như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân trực tiếp nhập khẩu hàng hoá hoặc kinh doanh hàng hoá nhập khẩu (gọi chung là cơ sở kinh doanh hàng hoá nhập khẩu) là đối tượng phải thực hiện chế độ hoá đơn, chứng từ đối với hàng hoá nhập khẩu lưu thông trên thị trường theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của Thông tư này.

Hàng hoá nhập khẩu lưu thông trên thị trường bao gồm: hàng hoá nhập khẩu đang trên đường vận chuyển, đang bày bán, để tại kho, bến, bãi, tại cơ sở sản xuất, kinh doanh hoặc tại địa điểm khác (gọi chung là hàng hoá nhập khẩu).

2. Các trường hợp không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này

- Hàng hoá nhập khẩu đang chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan Hải quan theo quy định của Luật Hải quan, trừ trường hợp là hàng nhập lậu.
- Hàng hoá nhập khẩu là tài sản của tổ chức, cơ quan hành chính sự nghiệp; đồ dùng của cá nhân.

3. Hoá đơn, chứng từ hợp pháp là các loại giấy tờ phải có theo quy định của pháp luật để chứng minh tính hợp pháp của hàng hoá nhập khẩu lưu thông trên thị trường. Hoá đơn, chứng từ hợp pháp đối với hàng hoá nhập khẩu được quy định cụ thể tại Mục II Thông tư này.

4. Cơ sở kinh doanh hàng hoá nhập khẩu có trách nhiệm quản lý, sử dụng, lưu giữ các hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

5. Thời hạn cơ sở kinh doanh hàng hoá nhập khẩu phải xuất trình hoá đơn, chứng từ khi cơ quan có thẩm quyền kiểm tra hoá đơn, chứng từ của hàng hoá nhập khẩu.

a) Đối với hàng hoá nhập khẩu trong các trường hợp dưới đây cơ sở kinh doanh hàng hoá nhập khẩu hoặc người vận chuyển hàng hoá phải xuất trình đầy đủ hoá đơn, chứng từ chứng minh tính hợp pháp của lô hàng ngay tại thời điểm kiểm tra, nếu không xuất trình được bị xử lý vi phạm theo quy định tại Mục III Thông tư này:

- Hàng hoá nhập khẩu đang được vận chuyển bằng các phương tiện giao thông, để tại kho, bến, bãi hoặc tại địa điểm khác chưa đăng ký tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở với cơ quan thuế;
- Hàng hoá nhập khẩu thuộc Danh mục hàng nhập khẩu có điều kiện; các mặt hàng phải dán tem hàng nhập khẩu theo quy định.

b) Đối với hàng hoá nhập khẩu đang bày bán, để tại kho, bến, bãi của cơ sở sản xuất, kinh doanh và các trường hợp không quy định tại điểm a khoản 5 Mục I nêu trên thì cơ sở kinh doanh hàng hoá nhập khẩu phải xuất trình đầy đủ hoá đơn, chứng từ chứng minh tính hợp pháp của lô hàng trong thời hạn tối đa không quá 24 giờ, kể từ thời điểm kiểm tra. Quá thời hạn nêu trên, cơ sở kinh doanh hàng hoá nhập khẩu không xuất trình đầy đủ hoá đơn, chứng từ hoặc hoá đơn, chứng từ không hợp pháp sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định tại Mục III Thông tư này.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

1. Quy định về hoá đơn, chứng từ đối với hàng hoá do tổ chức, cá nhân trực tiếp nhập khẩu vận chuyển vào nội địa

1.1. Hàng hoá do tổ chức, cá nhân (không phân biệt là tổ chức, cá nhân kinh doanh hay không kinh doanh) trực tiếp nhập khẩu khi vận chuyển vào nội địa phải có các hoá đơn, chứng từ theo quy định đối với từng trường hợp cụ thể như sau:

a) Các chứng từ vận chuyển theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu chuyển cửa khẩu, hàng hoá chuyển cảng đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan.

b) Bản chính tờ khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan.

c) Văn bản cho phép của cơ quan hải quan và bản sao tờ khai hải quan do cơ quan hải quan cấp đối với hàng hoá chưa hoàn thành thủ tục hải quan (hàng hoá được đưa về bảo quản, hoặc chuyển địa điểm làm thủ tục hải quan).

d) Lệnh điều động của cơ sở kinh doanh hàng hoá nhập khẩu kèm theo tờ khai hải quan (bản chính hoặc bản photocopy có xác nhận sao y bản chính của cơ sở kinh doanh hàng nhập khẩu), lệnh điều động phải ghi rõ chủng loại, số lượng hàng hoá vận chuyển của tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu số..., ngày..., tháng..., năm..., nơi vận chuyển đi và nơi đến, phương tiện vận tải, biển số phương tiện vận tải đối

với hàng hoá nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan nếu phải chia lô hàng hoá nhập khẩu để chuyên chở làm nhiều lần từ nơi làm thủ tục hải quan vào nội địa.

1.2. Người cư trú trong khu vực biên giới mang hàng hóa qua lại biên giới để trao đổi, mua bán theo mức quy định thì không phải khai hải quan. Nếu vượt mức quy định thì phải khai hải quan và thực hiện các quy định của pháp luật về thuế, chính sách quản lý hàng hóa nhập khẩu, khi vận chuyển hàng hoá vào nội địa phải có bản chính tờ khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan và chứng từ nộp thuế.

1.3. Tờ khai hải quan được cơ quan hải quan xác nhận đối với hàng hoá nhập khẩu là quà biếu, quà tặng. Tờ khai này chỉ có giá trị cho người nhận quà biếu, quà tặng hoặc người được uỷ quyền làm thủ tục hải quan vận chuyển từ cửa khẩu vào nội địa.

1.4. Tờ khai hàng hoá nhập khẩu được cơ quan hải quan xác nhận và chứng từ nộp thuế đối với hàng hoá nhập khẩu là hành lý của người nhập cảnh vào Việt Nam vượt quá tiêu chuẩn được miễn thuế. Tờ khai này và chứng từ nộp thuế chỉ có giá trị cho người nhập cảnh vận chuyển hàng hoá nhập khẩu từ cửa khẩu vào nội địa.

1.5. Đối với hàng hoá nhập khẩu là mặt hàng nhà nước quy định phải dán tem thì ngoài các chứng từ áp dụng đối với từng trường hợp cụ thể nêu tại điểm 1.1, điểm 1.2, điểm 1.3, điểm 1.4 khoản 1 Mục II nêu trên, các hàng hoá này phải có tem dán vào hàng hoá theo đúng quy định.

1.6. Đối với hàng hoá nhập khẩu có điều kiện, ngoài các hoá đơn, chứng từ quy định đối với hàng nhập khẩu nêu trên còn phải kèm theo các giấy tờ theo quy định của cơ quan chuyên ngành. Trường hợp các giấy tờ theo quy định của cơ quan chuyên ngành đã nộp cho cơ quan Hải quan bản gốc thì phải có bản photocopy có xác nhận sao y bản chính của cơ sở kinh doanh hàng hoá nhập khẩu kèm theo hàng hoá.

2. Quy định về hoá đơn, chứng từ đối với hàng hoá nhập khẩu lưu thông trong thị trường nội địa.

a) Hàng hoá nhập khẩu mua của tổ chức, cá nhân trực tiếp nhập khẩu hoặc của cơ sở kinh doanh hàng hoá nhập khẩu trong nội địa phải có hoá đơn, chứng từ của cơ